

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 28/7/2022

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con, chia nghĩa vụ
chung về tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thuận và ông Nguyễn Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Len – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nghĩa vụ chung về tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ngân hàng c;

Địa chỉ: Số 169 L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng c, Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Phòng giao dịch S; địa chỉ: tổ dân phố X, thị

trần C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo văn bản ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS, ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng c.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2022; Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022; Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Huỳnh Thị D trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và Anh Nguyễn Hữu H tự tìm hiểu yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Svào ngày 05/01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc, có 04 người con. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc như trước nữa, lý do: anh H thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không cùng chị lo cho con cái. Mặc dù, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không nghe mà nhiều lần còn đánh đập, chửi bới chị. Đến nay, chị và anh H không còn sống chung với nhau. Nay chị xét thấy vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu giải quyết ly hôn với Anh Nguyễn Hữu H.

2. *Về con chung:* Vợ chồng có 04 (bốn) con chung gồm: Nguyễn H, sinh ngày 22/11/2011; Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/7/2014; Nguyễn Tuệ Bảo Y, sinh ngày 12/11/2019 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/10/2021.

Chị D yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị và anh H về việc giao nuôi con khi ly hôn theo Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022, cụ thể:

+ Giao cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung gồm: Nguyễn H, sinh ngày 22/11/2011 và Nguyễn Tuệ Bảo Y, sinh ngày 12/11/2019.

+ Giao cho Chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung gồm: Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/7/2014 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/10/2021. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Không có.

4. *Về nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị Huỳnh Thị D xác định, vợ chồng có vay của Ngân hàng C, Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Phòng giao dịch huyện S số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng); dư nợ gốc đến ngày khởi kiện là: 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh.

Chị D yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị và anh H về việc chia nghĩa vụ chung khi ly hôn theo Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022, cụ thể: mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh.

Sau khi có kết quả phiên hòa giải nêu trên, vào ngày 10/6/2022 Chị D đã dùng tài sản riêng trả nợ xong phần nghĩa vụ trả nợ của chị cho Ngân hàng C, cụ thể: trả nợ gốc số tiền 25.000.000đồng và trả lãi suất đến ngày 10/6/2022. Do đó,

Chị D yêu cầu Anh Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ gốc và lãi suất phát sinh từ ngày 11/6/2022 đối với số tiền nợ còn lại theo đơn khởi kiện độc lập ngày 13/6/2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2022; Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2022, bị đơn Anh Nguyễn Hữu H trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Hữu H thống nhất về thời gian, địa điểm kết hôn như Chị Huỳnh Thị D trình bày là đúng. Về mâu thuẫn, nguyên nhân do anh và Chị D không còn hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, Chị D dùng những lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng anh và thường bất đồng về vấn đề kinh tế gia đình. Nay anh H nhận thấy, anh và Chị D sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hòa giải đoàn tụ được. anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

2. *Về con chung:* Anh Nguyễn Hữu H thống nhất, vợ chồng có 04 con chung như Chị D trình bày là đúng.

Anh H yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh và Chị D về việc giao nuôi con khi ly hôn theo Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022 như Chị D trình bày trên. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Không có.

4. *Về nghĩa vụ chung về tài sản:* Anh Nguyễn Hữu H xác định, vợ chồng có vay của Ngân hàng C, Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Phòng giao dịch huyện S số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng); dư nợ gốc đến ngày khởi kiện là: 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh.

Anh H yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị và anh H về việc chia nghĩa vụ chung khi ly hôn theo Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022, cụ thể: mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh. Tuy nhiên, vào ngày 10/6/2022, Chị D đã dùng tài sản riêng của chị đã trả nợ xong phần nghĩa vụ trả nợ của chị cho Ngân hàng C, cụ thể: Chị D đã trả nợ gốc số tiền 25.000.000đồng và tiền lãi suất đến ngày 10/6/2022.

Anh Nguyễn Hữu H đồng ý một mình anh có trách nhiệm tiếp tục trả nợ gốc và lãi suất phát sinh từ ngày 11/6/2022 cho đến khi trả xong khoản nợ còn lại theo đơn khởi kiện độc lập ngày 13/6/2022 của Ngân hàng C. Anh không yêu cầu Chị D phải thực hiện nghĩa vụ chung đối với khoản nợ còn lại cho Ngân hàng và không tranh chấp về tài sản chung đối với số tiền mà Chị D đã trả nợ vào ngày 10/6/2022.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Tại đơn khởi kiện độc lập ngày 13/6/2022 của Ngân hàng chính sách xã hội, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội trình bày:

Hộ gia đình Chị Huỳnh Thị D, Anh Nguyễn Hữu H có vay vốn tại Ngân hàng C, Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Phòng giao dịch huyện S với số tiền

50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) theo mã món vay số số 6600000718587606 ngày 13/9/2020, với mục đích sử dụng: Mua máy may, thời hạn vay 05 năm, trả nợ cuối cùng vào ngày 18/08/2024, lãi suất vay 8,25%/năm.

Đến ngày 10/6/2022, Chị Huỳnh Thị D đã trả nợ gốc số tiền 25.000.000đồng, hiện còn nợ số tiền nợ gốc 25.000.000đồng và tiền lãi phát sinh.

Nay Ngân hàng C yêu cầu Anh Nguyễn Hữu H và Chị Huỳnh Thị D phải trả nợ cho Ngân hàng khoản nợ sau: Nợ gốc còn lại 25.000.000đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 13/6/2022 là: 18.433đồng; tổng cộng gốc và lãi là: 25.018.433đồng và tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày tiếp theo (ngày 14/6/2022) trên số dư nợ gốc cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng C.

Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, Điều 39, Điều 68, Điều 195, Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 266, Điều 267, Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 37, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận cho Chị Huỳnh Thị D được ly hôn Anh Nguyễn Hữu H.

2. *Về con chung:* Tại biên bản hòa giải ngày 31/5/2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2022, Chị D và anh H đã tự nguyện thỏa thuận về giao nuôi con chung khi ly hôn và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận nên đề nghị chấp nhận:

+ Giao cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung gồm: Nguyễn H, sinh ngày 22/11/2011 và Nguyễn Tuệ Bảo Y, sinh ngày 12/11/2019.

+ Giao cho Chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung gồm: Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/7/2014 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/10/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Chị D và anh H xác định không có tài sản chung.

4. *Về nghĩa vụ chung về tài sản:* Buộc Anh Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C khoản nợ sau: Nợ gốc còn lại 25.000.000đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 13/6/2022 là: 18.433đồng; tổng cộng gốc và lãi là: 25.018.433đồng và tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày tiếp theo (ngày 14/6/2022) trên số dư nợ gốc cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

5.1. Buộc Chị Huỳnh Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí còn thừa cho chị D.

5.2. Buộc Anh Nguyễn Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Chị Huỳnh Thị D khởi kiện về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia nghĩa vụ chung về tài sản, khi ly hôn. Loại việc xác định: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nghĩa vụ chung về tài sản khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều có văn bản đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị D và Anh Nguyễn Hữu H có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, từ năm 2021 đến nay, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do anh, chị có tính cách không hợp nhau, không có sự chia sẻ lẫn nhau. Chị D và anh H không còn sống chung, không còn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết, Chị D yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận Chị D được ly hôn với anh Hưng.

[3] *Về con chung:* Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, tại Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2022, Chị D và anh H đã tự nguyện thỏa thuận về giao nuôi con chung khi ly hôn và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

Xét thấy, anh H và Chị D đảm bảo điều kiện nuôi con, sự thỏa thuận của Chị D và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ghi nhận sự thỏa thuận giao nuôi con chung khi ly hôn theo Biên bản hòa giải ngày

31/5/2022. Chị D và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị D, anh H xác định không có.

[5] *Về nghĩa vụ về tài sản*: Trên cơ sở lời trình bày của Chị Huỳnh Thị D, Anh Nguyễn Hữu H và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng C và quá trình tố tụng tại Tòa án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định như sau:

[5.1] Chị Huỳnh Thị D và Anh Nguyễn Hữu H có vay vốn tại Ngân hàng C, Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, Phòng giao dịch huyện S với số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) theo mã món vay số 6600000718587606 ngày 13/9/2020, với mục đích sử dụng: Mua máy may, thời hạn vay 05 năm, trả nợ cuối cùng vào ngày 18/08/2024, lãi suất vay 8,25%/năm. Tính đến ngày 31/5/2022 thì khoản nợ trên còn dư nợ gốc số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh.

[5.2] Tòa án đã tiến hành hòa giải về chia nghĩa vụ chung của Chị D và anh H theo Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022. Tại phiên hòa giải, Chị D và anh H đã tự nguyện thỏa thuận phân chia nghĩa vụ chung đối với khoản vay của Ngân hàng, mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh.

[5.3] Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình thì khoản nợ vay của Ngân hàng Chính sách xã hội phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng xác lập trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, việc thỏa thuận chia nghĩa vụ trả nợ của Chị D và anh H như nhận định trên là phù hợp với ý kiến trình bày tại đơn khởi kiện độc lập của Ngân hàng C về xác định khoản vay chung của Chị D và anh H.

[5.4] Sau phiên hòa giải, vào ngày 10/6/2022 Chị D đã dùng tài sản riêng trả nợ xong phần nghĩa vụ trả nợ của chị cho Ngân hàng C, gồm: trả nợ gốc số tiền 25.000.000đồng và trả lãi suất đến ngày 10/6/2022 số tiền 345.206đồng. Như vậy, Chị D đã dùng tài sản riêng để thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng c, tương ứng $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022. anh H xác định số tiền Chị D trả nợ cho Ngân hàng là tài sản riêng của chị D, không phải tài sản chung của vợ chồng và anh H đồng ý trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng c. Xét yêu cầu của Chị Huỳnh Thị D về việc yêu cầu Anh Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ gốc và lãi suất phát sinh từ ngày 11/6/2022 đối với số tiền nợ còn lại của Ngân hàng C là có căn cứ nên được chấp nhận; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng c đối với số tiền phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không chấp nhận nghĩa vụ còn lại là nghĩa vụ chung của anh H và chị D.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoản nợ vay còn lại gồm: tiền nợ gốc 25.000.000đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 13/6/2022 số tiền 18.433đồng; tổng cộng gốc và lãi là: 25.018.433đồng theo thỏa thuận tại mã món vay số 6600000718587606 ngày 13/9/2020 là nghĩa vụ riêng phải tiếp tục thực hiện của Anh Nguyễn Hữu H. Buộc Anh Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc, lãi như trên và phải tiếp tục trả lãi suất phát

sinh từ ngày tiếp theo (ngày 14/6/2022) trên số dư nợ gốc cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng C.

Chị Huỳnh Thị D không còn trách nhiệm đối với số tiền vay còn lại của Ngân hàng C.

[6] *Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:*

[6.1] Buộc Chị Huỳnh Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, số tiền 300.000đồng nhưng chị được khấu trừ một phần tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 925.000đồng; Hoàn trả lại cho Chị Huỳnh Thị D tiền tạm ứng án phí chênh lệch là: 625.000đồng (*sáu trăm, hai mươi lăm nghìn đồng*).

[6.2] Buộc Anh Nguyễn Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về nghĩa vụ tài sản đối với người thứ ba, với số tiền án phí phải nộp là: 1.250.900đồng (*một triệu, hai trăm năm mươi nghìn, chín trăm đồng*).

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 37, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Huỳnh Thị D được ly hôn Anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về giao nuôi con chung giữa Chị Huỳnh Thị D và Anh Nguyễn Hữu H tại Biên bản hòa giải ngày 31/5/2022, như sau:

Giao cho Chị Huỳnh Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung gồm: Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/7/2014 và Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 21/11/2021.

Giao cho Anh Nguyễn Hữu H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung gồm: Nguyễn H, sinh ngày 22/11/2011 và Nguyễn Tuệ Bảo Y, sinh ngày 12/11/2019.

Chị D và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết chị Thương, anh Phong hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị D và Anh Nguyễn Hữu H xác định không có.

5. Về nghĩa vụ tài sản: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Huỳnh Thị D về chia, giao nghĩa vụ trả nợ; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng C đối với số tiền phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không chấp nhận nghĩa vụ trả nợ còn lại là nghĩa vụ chung của Anh Nguyễn Hữu H và Chị Huỳnh Thị D.

Buộc Anh Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng C đối với khoản nợ vay còn lại gồm: tiền vay gốc **25.000.000đồng** (hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 13/6/2022 số tiền 18.433đồng (mười tám nghìn, bốn trăm ba ba đồng); tổng cộng gốc và lãi là: **25.018.433đồng** (hai mươi lăm triệu, không trăm, mười tám nghìn, bốn trăm ba ba đồng) và anh H phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh từ ngày tiếp theo (ngày 14/6/2022) trên số dư nợ gốc cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng C theo thỏa thuận tại mã món vay số 6600000718587606 ngày 13/9/2020.

6. Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:

6.1. Buộc Chị Huỳnh Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, số tiền 300.000đồng nhưng chị được khấu trừ một phần tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 925.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002619, ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Hoàn trả lại cho Chị Huỳnh Thị D tiền tạm ứng án phí chênh lệch là: 625.000đồng (sáu trăm, hai mươi lăm nghìn đồng).

6.2. Buộc Anh Nguyễn Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về nghĩa vụ tài sản đối với người thứ ba, với số tiền án phí phải nộp là: 1.250.900đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn, chín trăm đồng).

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

8. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Toại

